

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Kinh tế; Chuyên ngành: Kinh tế quốc tế

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **NGUYỄN BÌNH DƯƠNG**

2. Ngày tháng năm sinh: **28/07/1979**; ☐ Nam ; Nữ ☒ ; Quốc tịch: **Việt Nam**;
Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. **Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:** ☒

4. **Quê quán** (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Phường Hải Thành, thành phố
Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

5. **Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:** Phòng 1107, tòa nhà CTC, chung cư 789, tổ dân
phố số 3, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

6. **Địa chỉ liên hệ :** Phòng 1107, tòa nhà CTC, chung cư 789, tổ dân phố số 3, phường Mỹ
Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Điện thoại di động: 0977296366; E-mail: duongnb@ftu.edu.vn

7. **Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):**

- Từ tháng 9 năm 2003 đến tháng 8 năm 2004 học Thạc sĩ tại Đại học Paris 1 Panthéon-Sorbonne- Cộng hòa Pháp

- Từ tháng 9 năm 2004 đến tháng 10 năm 2008: làm nghiên cứu sinh và giảng dạy tại Đại học Paris 13- Villetaneuse- Cộng hòa Pháp

- Từ tháng 11 năm 2008 đến tháng 08 năm 2009 giảng dạy cho các chương trình liên kết với Đại học Paris 11 và Đại học Lyon 2 tại Khoa Quốc tế- Đại học Quốc gia Hà Nội

- Từ tháng 9 năm 2009 đến nay: Giảng viên khoa Kinh tế quốc tế- Đại học Ngoại thương

Chức vụ hiện nay: Giảng viên chính hạng 2

Chức vụ cao nhất đã qua: Giảng viên chính hạng 2

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Ngoại thương

Địa chỉ cơ quan: 91 phố Chùa Láng, Đống Đa, Hà Nội

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Điện thoại cơ quan: 84-24-3835 6800 (máy lẻ: 508)

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- *Được cấp bằng Đại học* ngày 22 tháng 03 năm 2002; số văn bằng: 386818; ngành: Kinh tế, chuyên ngành: Kinh tế đối ngoại;

Nơi cấp bằng Đại học: Trường Đại học Ngoại thương-Việt Nam

- *Được cấp bằng Thạc sĩ* ngày 22 tháng 10 năm 2004; số văn bằng: PARI 5024799; ngành: Kinh tế; chuyên ngành: Chiến lược công nghiệp

Nơi cấp bằng Thạc sĩ: Trường Đại học Paris 1- Panthéon Sorbonne- Cộng hòa Pháp

- *Được cấp bằng Tiến sĩ* ngày 04 tháng 03 năm 2011; số văn bằng: PARIXIII 8907614; ngành: Kinh tế; chuyên ngành: Kinh tế học quốc tế

Nơi cấp bằng Tiến sĩ: Trường Đại học Paris 13- Villetaneuse- Cộng hòa Pháp

- *Được cấp bằng Trung cấp lý luận Chính trị- Hành chính* ngày 17 tháng 08 năm 2020

Nơi cấp bằng: Trường Cán bộ quản lý giao thông vận tải

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: ngày ... tháng ... năm, ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở:

Đại học Kinh tế quốc dân

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành:
Kinh tế

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- **Hướng nghiên cứu 1: Thương mại quốc tế, đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và các Hiệp định thương mại tự do (FTA)**
 - Hướng dẫn Thạc sĩ: số thứ tự [1], [2], [5], [6], [7] trong mục 4 (05/07 thạc sĩ)
 - Sách phục vụ đào tạo: số thứ tự [1], [2], [3], [4], [5], [6] trong mục 5 (06/06 sách)
 - Trong đó số lượng sách của NXB quốc tế: 02 chương sách bao gồm các số thứ tự [1], [2] trong mục 5
 - Đề tài NCKH: số thứ tự [1], [2] trong mục 6 (02/03 đề tài)
 - Bài báo và báo cáo khoa học: số thứ tự [1], [2], [3], [4], [11], [12], [13], [14], [15], [16], [17], [18], [19], [20], [21], [22], [23], [27], [29], [30], [32], [34], [35], [36], [38], [39], [41], [42], [43], [44], [45] trong mục 7 (31/45 bài)
 - Trong đó số lượng bài báo quốc tế: 03 bài bao gồm các số thứ tự [2], [3], [4] trong mục 7
- **Hướng nghiên cứu 2: Chiến lược năng lượng và kinh tế xanh trong bối cảnh hội nhập quốc tế**
 - Hướng dẫn Thạc sĩ: số thứ tự [3],[4] trong mục 4 (02/07 thạc sĩ)
 - Sách phục vụ đào tạo: 0
 - Đề tài NCKH : số thứ tự [3] trong mục 6 (01/03 đề tài)

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HDGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HDGS nhà nước

- Bài báo và báo cáo khoa học: số thứ tự [5], [6], [7], [8], [9], [10], [24], [25], [26], [28], [31], [33], [37], [40] trong mục 7 (14/45 bài)
 - Trong đó số lượng bài báo quốc tế: 06 bài báo bao gồm các số thứ tự [5], [6], [7], [8], [9], [10] trong mục 7

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 07 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên:
 - ✓ Chủ nhiệm 02 đề tài cấp Bộ
 - ✓ Trưởng 01 chương trình nghiên cứu nhóm 1 trường Đại học Ngoại thương
- Đã công bố 45 bài báo khoa học, trong đó:
 - ✓ 09 bài báo quốc tế : trong đó 07 bài báo đăng trong các tạp chí quốc tế có uy tín (ISI, Scopus Q1)
 - ✓ 36 bài báo, báo cáo đăng trong tạp chí trong nước, kỷ yếu Hội thảo các cấp
- Số lượng sách đã xuất bản:
 - ✓ 06 sách (trong đó có 2 chương sách quốc tế)

15. Khen thưởng:

Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2021-2022; Đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2021; Giảng viên tiêu biểu năm học 2021-2022

16. Kỷ luật: Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SU

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Trong suốt thời gian 15 năm 9 tháng công tác tại trường Đại học Ngoại thương, tôi luôn cố gắng phấn đấu, trau dồi để đáp ứng các tiêu chuẩn và nhiệm vụ của một nhà giáo:

Về phẩm chất chính trị: Tôi luôn chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; thực hiện nhiệm vụ theo đúng quy định của pháp luật. Tôi luôn không ngừng học tập, rèn luyện nâng cao trình độ lý luận chính trị để vận dụng vào hoạt động giảng dạy, giáo dục và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao. Tôi cũng luôn có ý thức chấp hành nghiêm sự điều động, phân công của tổ chức; có ý thức tập thể, phấn đấu vì lợi ích chung; gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, tích cực tham gia các hoạt động chính trị, xã hội.

Về đạo đức nghề nghiệp: Tôi tự thấy bản thân luôn tâm huyết với nghề, có ý thức giữ gìn danh dự, lương tâm nhà giáo; đối xử hòa nhã với người học, đồng nghiệp; sẵn sàng giúp đỡ, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của người học, đồng nghiệp và cộng đồng. Tôi cũng thực hiện đúng điều lệ, quy chế, nội quy của Trường Đại học Ngoại thương và của ngành giáo dục. Tôi tự thấy bản thân luôn công bằng trong giảng dạy và giáo dục, đánh giá đúng thực chất, năng lực của người học; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tham nhũng và bệnh thành tích; thực hiện phê bình và tự phê bình; thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp giáo dục.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Về lối sống, tác phong: Tôi tự nhận thấy bản thân luôn phấn đấu với động cơ trong sáng; có lối sống hòa đồng, đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp cùng hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Về giữ gìn, bảo vệ truyền thống, đạo đức nhà giáo: Tôi luôn trung thực trong học tập, nghiên cứu khoa học và thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục
Tôi tự đánh giá mình đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và hoàn thành tốt các nhiệm vụ của một nhà giáo

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 15 năm 09 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2019-2020			02	02	225	0	225 /415/270
2	2020-2021			0	08	270	0	270/370/270
3	2021-2022			01	04	225	45	270/355/ 270
03 năm học cuối								
4	2022-2023			02	02	225	45	270/365/270
5	2023-2024			02	04	270	0	270/390/270
6	2024-2025			0	06	225	45	270/345/270

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: tiếng Pháp

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Học ĐH ☐; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☒ tại Cộng hòa Pháp năm 2004

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Bảo vệ luận án TS ☒ tại Cộng hòa Pháp năm 2011

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☒

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: tiếng Pháp

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Paris 13- Villetaneuse, Cộng hòa Pháp

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Chứng chỉ C tiếng Anh năm 2001

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/B SNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/ CK2/BS NT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thị Lệ Thủy		HVCH	X		09/12/2019- 08/06//2020	Trường Đại học Ngoại thương	Bằng tốt nghiệp cấp ngày 29/09/2020
2	Nguyễn Thùy Dung		HVCH	X		09/12/2019- 08/06//2020	Trường Đại học Ngoại thương	Quyết định cấp bằng ngày 04/12/2020, số: 3256/QĐ-ĐHNT
3	Nguyễn Bảo Khanh		HVCH	X		09/08/2021- 08/01/2022	Trường Đại học Ngoại thương	Quyết định cấp bằng ngày 15/08/2022, số: 2210/QĐ-ĐHNT
4	Phạm Thảo Linh		HVCH	X		09/05/2022- 08/10/2022	Trường Đại học Ngoại thương	Quyết định cấp bằng ngày 22/02/2023, số: 484/QĐ-ĐHNT
5	Trần Phương Thảo		HVCH	X		25/08/2022- 11/01//2023	Trường Đại học Ngoại thương	Quyết định cấp bằng ngày 05/05/2023, số: 1428/QĐ-ĐHNT
6	Hoàng Trần Trâm Anh		HVCH	X		18/12/2023- 15/03/2024	Trường Đại học Ngoại thương	Bằng tốt nghiệp cấp ngày 16/07/2024
7	Đinh Cẩm Tú		HVCH	X		29/09/2023- 28/03//2024	Trường Đại học Ngoại thương	Quyết định cấp bằng ngày 31/07/2024, số: 2541/QĐ-ĐHNT

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	TRƯỚC KHI ĐƯỢC CÔNG NHẬN TIẾN SĨ						
I.1	Nhà xuất bản quốc tế						
1	Chương sách : <i>Insertion internationale et intégration régionale: le Vietnam doit-il craindre la concurrence chinoise.</i> In Y. Shi & F. Hay (Eds), La Chine: forces et faiblesses d'une économie en expansion	TK	Presses Universitaires de Rennes ISBN: 2-7535-0300-1 (Cộng hòa Pháp)	2		Đồng biên soạn (297-323)	Số: 459/GXN-ĐHNT
I.2	Nhà xuất bản trong nước						
II	SAU KHI ĐƯỢC CÔNG NHẬN TIẾN SĨ						
II.1	Nhà xuất bản quốc tế						
2	Chương 11 sách: <i>Investment related provisions of EVFTA: implications for Vietnam's policy reforms.</i> In J. Chaisse (Ed), China-European Union investment relationships: towards a new leadership in global investment governance	TK	EDWARD ELGAR , ISBN: 978-1-78897-189-8 Truy cập tại www.elgaronline.com/play/edcoll/97817898/9781788971898.00019.xml	1		Biên soạn chương 11 (193-205)	Số: 458/GXN-ĐHNT
II.2	Nhà xuất bản trong nước						
3	Chương 7 sách : <i>Trade balance between Vietnam and China: A structural analysis.</i> In N. D. Thanh (Ed.), Vietnam annual economic report 2011: The economy at a crossroads	TK	Vietnam National University Publisher ISBN: 978-604-62-0578-4	2		Đồng biên soạn chương 7 (247-286)	Số: 460/GXN-ĐHNT
4	Đánh giá ảnh hưởng của Hiệp định thương mại tự do Việt Nam-EU: các phương pháp tiếp cận lý thuyết và thực tiễn	TK	Nhà xuất bản Bách Khoa- ISBN: 978-604-95-0113-5	1	Chủ biên	Biên soạn toàn bộ nội dung	Số: 461/GXN-ĐHNT

5	Tỷ lệ thâm nhập, thâm hụt cán cân thương mại và sự cạnh tranh của hàng hóa Trung Quốc trên thị trường Việt Nam	TK	Nhà xuất bản Bách Khoa- ISBN: 978-604-95-0514-0	1	Chủ biên	Biên soạn toàn bộ nội dung	Số: 462/GXN-ĐHNT
6	Giáo trình Kinh tế học quốc tế nâng cao	GT	Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông- ISBN: 978-604-80-9035-7	5		Biên soạn chương 2 (20-42); Đồng biên soạn chương 1 (5-19)	Số: GT/2013/09 (Thanh lý Hợp đồng viết giáo trình)

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau TS: 01 chương sách, số thứ tự [2]

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	TRƯỚC KHI ĐƯỢC CÔNG NHẬN TIẾN SĨ				
II	SAU KHI ĐƯỢC CÔNG NHẬN TIẾN SĨ				
1	Nghiên cứu, đánh giá mức độ xâm nhập và sự cạnh tranh của hàng hóa Trung Quốc trên thị trường nội địa Việt Nam nhằm đưa ra giải pháp chiếm lĩnh lại thị trường nội địa	Chủ nhiệm	103.11.RD/HĐ-KHCN (Đề tài Bộ Công Thương)	01/2011-12/2011 (Ký hợp đồng ngày 14/03/2011)	01/02/2012- Khá
2	Dự báo tác động của việc ký kết Hiệp định thương mại tự do (FTA) Việt Nam- EU tới nền kinh tế Việt Nam	Chủ nhiệm	B2013-08-13 (Đề tài Bộ GDĐT)	06/2013-06/2015	06/08/2015- Tốt
3	Chiến lược năng lượng nhằm đáp ứng nền kinh tế xanh trong bối cảnh hội nhập quốc tế của Việt Nam	Trưởng chương trình	FTURP01-2020-05 (Chương trình nghiên cứu nhóm 1 trường Đại học Ngoại thương)	01/2021-12/2024	30/12/2024- Sản phẩm đạt chất lượng đúng yêu cầu của Hợp đồng

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
 - Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; NV: Nhiệm vụ CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I.	TRƯỚC KHI ĐƯỢC CÔNG NHẬN TIẾN SĨ							
1	Determinants of foreign direct investment in Vietnam: a panel analysis	1	X	International Conference “Economic Policy for further Development of Asia- Pacific region”- FTU-Tohoku-University of Queensland			Trang 27-42	10/2010
II	SAU KHI ĐƯỢC CÔNG NHẬN TIẾN SĨ							
II.1	Tạp chí quốc tế: 09 bài báo							
2	On the linkage between FDI and trade. Evidence from Vietnam	3	X	SECO / WTI Academic Cooperation Project, 2012	World Trade Institute, University of Bern, Switzerland- <i>Thuộc Top 500 trường Đại học hàng đầu thế giới do Times Higher Education (THE) hợp tác cùng Thompson Reuters bình chọn (Top 112, năm 2012)</i>		Published online, truy cập tại ssrn.com/abstract=2614857 hoặc dx.doi.org/10.2139/ssrn.2614857	05/2012
3	Vietnam-EU Free Trade Agreement: Impact and Policy Implications for Vietnam	1	X	SECO / WTI Academic Cooperation Project, Switzerland, 2016	World Trade Institute, University of Bern, Switzerland- <i>Thuộc Top 500 trường Đại học hàng đầu thế giới do Times Higher Education (THE) hợp tác cùng Thompson Reuters bình chọn (Top 120, năm 2016)</i>	32	Published online, truy cập tại https://ssrn.com/abstract=2802488 hoặc http://dx.doi.org/10.2139/ssrn.2802488	06/2016

4	Book review: China's International Investment Strategy: Bilateral, Regional, and Global Law and Policy	1	X	Journal of International Economic Law; ISSN 14643758	Tạp chí ISI thuộc danh mục SSCI; NXB OXFORD University Press Scopus Q1 (IF: 2.6)	2	Vol 22, Issue 3, Pages 523– 527, truy cập tại https://doi.org/ 10.1093/jiel/jg z030	09/2019
5	Growth of low emission - intensive energy production and energy impacts in Vietnam under the new regulation	4		Journal of Cleaner Production, 225 (2019) 90- 103; ISSN: 0959-6526	Tạp chí ISI thuộc danh mục SCIE; NXB ELSEVIER, Scopus Q1, (IF: 9.8)	47	Vol 225, pages 90-103, truy cập tại : https://doi.org/ 10.1016/j.jclep ro.2019.03.29 2	07/2019
6	A stronger energy strategy for a new era of economic development in Vietnam: A quantitative assessment	5		Energy Policy, 144 (2020) 111645, ISSN: 0301-4215	Tạp chí ISI thuộc danh mục SCIE; SSCI, NXB ELSEVIER, Scopus Q1 (IF: 9.3)	25	Vol 144, pages 111645 truy cập tại: https://doi.org/ 10.1016/j.enpo l.2020.111645	09/2020
7	Greenhouse gas emissions vs CO2 emissions: Comparative analysis of a global carbon tax	3		Applied Energy 298 (2021) 117223, ISSN: 0306-2619	Tạp chí ISI thuộc danh mục SCIE; NXB ELSEVIER Scopus Q1 (IF: 10.1)	157	Vol 298, pages 117223, truy cập tại: https://doi.org/ 10.1016/j.apen ergy.2021.117 223	09/2021
8	General equilibrium impact evaluation of food top-up induced by households' rene wable power self-supply in 141 regions	4	X	Applied Energy 306 (2022) 118126, ISSN: 0306-2619	Tạp chí ISI thuộc danh mục SCIE; NXB ELSEVIER Scopus Q1 (IF: 10.1)	4	Vol 306, Pages 118126 truy cập tại: https://doi.org/ 10.1016/j.apen ergy.2021.118 126	01/2022
9	Insights from ASEAN-wide emissions trading schemes (ETSs): A general equilibrium assessment	4	X	Energy Policy ISSN: 0301-4215	SCIE; SSCI, ELSEVIER Scopus Q1 (IF: 9.3)	11	Vol 178, Pages 113583, truy cập tại: https://doi.org/ 10.1016/j.enpo l.2023.113583	07/2023

10	Economic and supply chain impacts from energy price shocks in Southeast Asia	4	X	Economic Analysis and Policy ISSN : 0313-5926	Tạp chí ISI thuộc danh mục SSCI, NXB ELSEVIER, Scopus Q1 (IF: 7.9)	3	Vol 84, Pages 929-940 truy cập tại: https://doi.org/10.1016/j.eap.2024.09.025	12/2024
II.2 <i>Tạp chí trong nước : 23 bài báo</i>								
11	Phân tích tỉ lệ thâm nhập của hàng hóa Trung Quốc trên thị trường Việt Nam	3		Phát triển kinh tế, ISSN: 1859-1124			Số 263, trang 29-39	09/2012
12	The structure-Conduct-Performance paradigm revisited: an empirical analysis for Vietnamese firms	4		External Economics Review, ISSN:1859-4050			Số 69, trang 90-102	12/2014
13	Future Vietnam-EU Free Trade Agreement (Vietnam-EU FTA): an analysis of trade creation and trade diversion effects	3	X	External Economics Review, ISSN:1859-4050		8	No 72, Pages 03-20	04/2015
14	Brexit và những tác động tiềm ẩn đối với nền kinh tế châu Á	1	X	Những vấn đề Kinh tế & Chính trị thế giới, ISSN: 0868-2984			Số 12(260), trang 25-33	12/2017
15	Cơ hội và thách thức đối với xuất khẩu rau củ của Việt Nam sang thị trường UAE	1	X	Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông, ISSN: 1859-0519			Số 10(146), trang 48-55	10/2017
16	Lợi thế so sánh bậc lộ của Việt Nam và các nước ASEAN trong bối cảnh hội nhập quốc tế	1	X	Kinh tế & Phát triển ISSN: 1859-0012			Số 248, trang 33-41	02/2018
17	Hàng rào kỹ thuật trong thương mại của Nhật Bản và giải pháp cho hàng xuất khẩu của Việt Nam	1	X	Khoa học thương mại, ISSN 1859-3666			Số 114, trang 24-32	02/2018

18	Phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong ASEAN và một số hàm ý chính sách	1	X	Cộng sản ISSN: 0866-7276			Số 134, trang 92-96	02/2018
19	Thương mại nội ngành và vai trò của Việt Nam trong mạng lưới sản xuất Châu Á: cách tiếp cận từ cấu trúc	1	X	Kinh tế & phát triển ISSN: 1859-0012			Số 251, trang 33-40	05/2018
20	Ảnh hưởng của các FTA thế hệ mới tới xuất khẩu nông sản của Việt Nam	1	X	Những vấn đề kinh tế và chính trị thế giới, ISSN: 0868-2984			Số 4(276), trang 45-54	04/2019
21	Phân rã thương mại nội ngành trong ngành da giày giữa Việt Nam và Trung Quốc	1	X	Kinh tế & Phát triển ISSN: 1859-0012			Số 264, trang 86-95	06/2019
22	Dịch chuyển lao động trong AEC và tác động tiềm ẩn tới thị trường lao động của các nước ASEAN	1	X	Kinh tế đối ngoại, ISSN: 1859-4050			Số 117, trang 3-13	06/2019
23	Rào cản phi thuế quan của Mỹ đối với hàng thủy sản xuất khẩu Việt Nam và một số hàm ý chính sách	1	X	Châu Mỹ ngày nay, ISSN: 2354-0745			Số 04(253), trang 23-32	04/2019
24	Sản xuất, tiêu dùng năng lượng của Ai Cập và bài học kinh nghiệm	1	X	Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông, ISSN: 1859-0519			Số 04(164), trang 19-25	04/2019
25	Chương trình dán nhãn môi trường ở Châu Âu EU-Ecolabel và liên hệ với Việt Nam	1	X	Nghiên cứu Châu Âu, ISSN: 0868-3581			Số 5(224), trang 67-79	05/2019

26	Sự phụ thuộc của Saudi Arabia vào dầu mỏ thông qua chỉ số chuyên môn hóa xuất khẩu	1	X	Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông, ISSN: 1859-0519			Số 06(166), trang 11-18	06/2019
27	Đánh giá tác động của các yếu tố địa điểm đầu tư tới FDI vào khu vực RCEP qua mô hình kinh tế lượng	1	X	Khoa học thương mại, ISSN 1859-3666			Số 130, trang 02-09	04/2019
28	Extended environmental Kuznets curve in Asia Pacific countries: an empirical analysis	5	X	Journal of International Economics and Management, ISSN 2615-9856		5	Vol 22, No. 3, pages 46-61	11/2022
29	Các yếu tố ảnh hưởng tới xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang EU	1	X	Nghiên cứu Châu Âu, ISSN 0868-3581			Số 3(270) 2023, Trang 69-78	03/2023
30	Tác động trực tiếp và lan tỏa của đầu tư công tới tăng trưởng và hội tụ tại vùng kinh tế trọng điểm phía Nam: tiếp cận từ mô hình hồi quy không gian	3		Quản lý và Kinh tế quốc tế, ISSN 2615-9848			Số 155, trang 63-80	05/2023
31	Just energy transition partnership and policy implications for Vietnam	1	X	Journal of finance & accounting research, ISSN 2588-1493			No 03(22)- 2023 Pages 12-17	06/2023
32	Tác động của thương mại và các chỉ tiêu kinh tế số tới tăng trưởng: Cách tiếp cận từ mô hình FEM	1	X	Nghiên cứu Tài chính Kế toán, ISSN 1859-4093			Số 241-2023, Trang 27-31	06/2023

33	Policy implications for renewable energy development in Vietnam	4	X	Journal of finance & accounting research, ISSN 2588-1493			No 04(29)-2024 Pages 5-9	08/2024
II.3 Bài báo đã công bố trong các Kỷ yếu Hội thảo								
II.3.1 Hội thảo quốc tế								
34	Future Vietnam-EU Free Trade Agreement (FTA): A cost and benefit analysis	1	X	International Conference “Trade and development issues and policies for Vietnam”, Bach Khoa Publishing House, ISBN 978-604-911-435-9			Trang 61-73	01/2013
35	Impact of logistics on Vietnam’s Intra-ASEAN trade activities: a panel analysis	1	X	International conference proceeding- “Perspective on Peace and Development: Questioning the Future of GMS and ASEAN”, Chiang Mai- Thailand ISBN 978-616-398-123-3	Greater Mekong Subregion Studies Center (GMSS)-Chiang Mai- Thailand (Hội thảo tổ chức ở nước ngoài)		302-324	12/2016
II.3.2 Hội thảo quốc gia								
36	Cơ hội và thách thức của chuyển đổi số đối với Việt Nam: cách tiếp cận từ thị trường lao động	3	X	Hội thảo “Xây dựng nền kinh tế số nhằm phát triển bền vững và bao trùm”, NXB Khoa học Kỹ thuật, ISBN 978-604-67-2119-2			Trang 2-15	01/2022
37	The role of renewable energy towards reduction of CO2 emission in Vietnam	1	X	Hội thảo “Việt Nam hướng tới phát thải ròng bằng 0 vì mục tiêu phát triển bền vững”, NXB Lao Động, ISBN 978-604-393-917-0			Trang 591-597	06/2023

II.3.3 Hội thảo cấp trường								
38	Export diversification in developing Asia: a comparative analysis	2	X	Hội thảo “Competitiveness : analysis and policy implications for Vietnam”; Bach Khoa Publishing House, ISBN 978-604-911-515-8			Trang 125-145	10/2013
39	Public and private partnership to raising agriculture exports: the case of Vietnam	1	X	Conference proceedings: “Public and private investment: choices for economic development”, Bach Khoa Publishing House, ISBN 978-604-911-854-8			Trang 83-90	01/2014
40	A solution for sustainable agriculture exports in Vietnam	1	X	Hội thảo “Green economy towards sustainable development”; Vietnam National University Press, ISBN 978-604-62-3131-8			Trang 93-102	06/2015
41	The single market and production base of the ASEAN Economic Community (AEC): A strategic approach	1	X	Conference “Beyond AEC: implications for co-operation among ASEAN+6”, Bach Khoa Publishing House, ISBN 978-604-938-433-2			Trang 156-164	08/2015
42	Overview of Vietnam’s trade agreement: the case of Asean Economic Community and EU-Vietnam Free Trade Agreement	1	X	Conference proceedings “Recent economic integration: opportunities and challenges for enterprises in Vietnam”, Bach Khoa Publishing House, ISBN 978-604-93-8910-8			Trang 213-225	06/2016

43	Cộng đồng kinh tế ASEAN và hội nhập trong khu vực dịch vụ: trường hợp của Việt Nam	1	X	Hội thảo “Hội nhập và tăng trưởng bao trùm ở khu vực Châu Á, Thái Bình Dương”, NXB Bách Khoa, ISBN 978-604-95-0203-3			Trang 61-70	04/2017
44	The fourth industrial revolution: opportunities and challenges for Vietnam	1	X	Conference proceedings: “The forth industrial revolution: opportunities and challenges for enterprises in Vietnam”, Bach Khoa Publishing House, ISBN 978-604-95-0245-3			Trang 10-20	06/2017
45	ASEAN economic integration: past and perspective	1	X	Conference proceedings “Firms dynamics, trade and growth”, Bach Khoa Publishing House, ISBN 978-604-950-500-3			Trang 115-120	04/2018

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 03 bài báo (ISI, Scopus Q1) bao gồm các số thứ tự [8], [9],[10]

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): ...

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu: ...

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV ☐ chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
c) **Nghiên cứu khoa học**

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: ...

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định :

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 25 tháng 06 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)

TS. Nguyễn Bình Dương